

Số: /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2025

Thực hiện kế hoạch năm học 2024-2025, căn cứ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN, ĐHQGHN), Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025, cụ thể như sau:

1. Danh sách các ngành tuyển sinh

STT	Tên ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
1.	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh *	12	“*” là các ngành đào tạo theo Đề án 89 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga *	1	
3.	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp *	1	
4.	Lý luận và phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc *	2	
5.	Ngôn ngữ Anh *	7	
6.	Ngôn ngữ Nga	1	
7.	Ngôn ngữ Pháp *	1	
8.	Ngôn ngữ Trung Quốc *	2	
Tổng		27	

Lưu ý: Chỉ tiêu tuyển sinh là dự kiến và có thể được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh xét tuyển.

2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.1. Điều kiện xét tuyển: thí sinh cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau

(1) Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quy địa phương nơi cư trú xác nhận;

(2) Có đủ sức khỏe để học tập;

(3) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên **ngành đúng, ngành phù hợp**, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

(4) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo (CTĐT) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ đăng ký xét tuyển;

(5) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số

xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận;

(6) Có đề cương nghiên cứu chi tiết, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; Lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; Lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

(7) Có thư giới thiệu của ít nhất 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người đăng ký xét tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người xét tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người đăng ký xét tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người đăng ký xét tuyển;
- Tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- Một trong hai thư giới thiệu có ít nhất 01 nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành tại ĐHQGHN) và ghi rõ đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án (nếu thí sinh trúng tuyển). (Tiêu chí và quyền hạn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 1)
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

(8) Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người đăng ký xét tuyển là công chức, viên chức);

(9) Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ);

(10) Nộp hồ sơ và lệ phí xét tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

Lưu ý: Thí sinh đăng ký xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021.

2.2. Hình thức xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm phần đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu. Thí sinh thuộc diện xét tuyển trình độ tiến sĩ phải đạt tổng điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu **từ 60 điểm trở lên**, trong đó điểm đề cương nghiên cứu **tối thiểu là 30/50 điểm**. Việc xác định thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu do ĐHQGHN giao. Trường hợp các thí sinh có điểm bằng nhau, việc xét tuyển sẽ căn cứ vào tiêu chí bổ sung: ưu tiên thí sinh có điểm đề cương nghiên cứu cao hơn, tiếp đến là điểm nghiên cứu khoa học. Tiêu chí chấm thí sinh xem tại Phụ lục 3 của thông báo này.

- Thí sinh đăng ký xét học bổng theo Đề án 89 phải đạt tối thiểu 80/100 điểm.

3. Kế hoạch xét tuyển

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến và nộp hồ sơ bản cứng: từ 8h00 ngày 28/7/2025 đến 17h00 ngày 30/9/2025
- Tổ chức đánh giá hồ sơ chuyên môn: từ ngày 06/10/2025 đến ngày 31/10/2025
- Công bố kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 21/11/2025
- Tổ chức nhập học trước ngày 30/11/2025
- Khai giảng: dự kiến tháng 12/2025

Lưu ý:

- Nhà trường sẽ công bố kết quả xét tuyển trên trang tuyển sinh của ĐHQGHN, website ulis.vnu.edu.vn và nhắn tin theo số điện thoại thí sinh đã đăng ký trong hồ sơ.
- Nhà trường không gửi giấy báo trúng tuyển. Thí sinh nhận trực tiếp tại Trường trong ngày nhập học.

4. Đăng ký xét tuyển

Việc đăng ký xét tuyển được thực hiện theo ba bước:

Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, scan hồ sơ để nộp trực tuyến

Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự tuyển và scan toàn bộ hồ sơ dự tuyển gồm:

- Công văn cử đi xét tuyển và công văn cử đi học của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người xét tuyển là công chức, viên chức)
- Sơ yếu lý lịch (viết năm 2025 có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú);
- Lý lịch khoa học (viết năm 2025 có xác nhận của nơi làm việc hoặc chính quyền nơi cư trú);
- Giấy chứng nhận sức khỏe do một bệnh viện đa khoa cấp (còn thời hạn trong vòng 12 tháng);
- Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học;
- Bản sao công chứng bằng thạc sĩ, bằng điểm cao học; chứng nhận công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- Danh mục và bản sao các công trình khoa học đã được công bố bao gồm trang bìa và trang mục lục của tạp chí hoặc sách có chứa đầy đủ nội dung bài viết của tác giả có chỉ số xuất bản ISSN hoặc ISBN;
- Đề cương nghiên cứu;
- Thư giới thiệu của 2 nhà khoa học;
- Các giấy tờ pháp lý xác nhận về thâm niên nghề nghiệp: bản sao công chứng quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn kèm theo hoặc công văn xác nhận thời gian công tác của thủ trưởng cơ quan sử dụng nhân lực chứng nhận thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký xét tuyển;

Bước 2: Đăng ký trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

Thí sinh truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký xét tuyển trực tuyến. **Thí sinh lưu ý gộp tất cả**

các tài liệu được yêu cầu tại bước 1 vào 01 file duy nhất định dạng .pdf, dung lượng file dưới 10Mb để nộp tại mục “Upload bằng và bằng điểm tốt nghiệp thạc sĩ” trên phần mềm. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký xét tuyển trong năm 2025. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

Bước 3: Nộp lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 200.000 đồng/thí sinh
- Hình thức nộp: chuyển khoản vào tài khoản sau
- Tên tài khoản: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN
- Số tài khoản: 2158969696 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy
- Nội dung chuyển khoản: TSSDH_Họ tên thí sinh_Số CCCD

Bước 4: Nộp hồ sơ bản cứng

Sau khi hồ sơ tuyển sinh trực tuyến được duyệt ở bước 2, thí sinh sẽ được thông báo để nộp **01 Bản gốc Hồ sơ tuyển sinh** như bước 1 và **06 bộ hồ sơ nhân bản photo từ bản gốc** (dành cho các thành viên Tiểu ban xét duyệt) tại Phòng 305, nhà A1, Bộ phận Sau đại học, Phòng Đào tạo và Người học, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN, số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Lưu ý:

- **Hội đồng tuyển sinh không hoàn trả bản cứng hồ sơ đăng ký xét tuyển, không hoàn trả lệ phí của thí sinh đã nộp nếu thí sinh không trúng tuyển.**
- Thí sinh không hoàn thành đầy đủ bốn bước đăng ký như trên sẽ **không đủ điều kiện xét tuyển** kỳ thi tuyển sinh sau đại học năm 2025.

5. Học phí: Thí sinh trúng tuyển phải đóng học phí theo quy định của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023. Mức thu cụ thể sẽ được thông báo theo hướng dẫn thu học phí hàng năm của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

6. Thông tin chi tiết liên hệ

- Phòng Đào tạo và Người học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Địa chỉ: Phòng 305, nhà A1, số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội
 - Điện thoại: 024 66806770/ 0916.057.398 (trong giờ hành chính)
 - Email: sdhcfl@gmail.com
 - Website: <https://ulis.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau đại học
- Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: QTĐH, ĐTNH, N02.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Hà Lê Kim Anh

**Phụ lục 1. Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh,
danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học
(hướng dẫn độc lập/chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh đợt 2 năm 2025**
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNN ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

1.1. Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh: (Trích khoản 1 của Điều 35 về Tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ hướng dẫn của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại ĐHQGHN được ban hành theo Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN, ngày 21 tháng 19 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

a) Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại khoản 1, Điều 34 của Quy chế này, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng các quy định tại khoản 1, Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

- Người hướng dẫn có học vị tiến sĩ (chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư) thì phải **có tối thiểu 01 năm (12 tháng)** làm công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

- **Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập** phải có chức **danh giáo sư hoặc phó giáo sư** hoặc có học vị tiến sĩ khoa học;

- **Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở** hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ trở lên.

b) Trong thời gian **05 năm (60 tháng)** tính đến thời điểm có quyết định công nhận **hướng dẫn nghiên cứu sinh**, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn (không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ) phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn như sau: **Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);**

- Cán bộ cơ hữu có thể hiểu là: có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với đơn vị đào tạo theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại đơn vị đào tạo với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

c) Ngoài tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn chính quy định tại điểm b như trên, tiến sĩ chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư nhưng có kết quả nghiên cứu xuất sắc (có tối thiểu 01 công bố khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/năm liên tục trong 3 năm gần nhất) có

thể được ĐHQGHN xem xét cho phép làm hướng dẫn chính hoặc hướng dẫn độc tối đa 3 nghiên cứu sinh.

1.2. Quyền hạn của người hướng dẫn

a) Giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn phụ hoặc hướng dẫn độc lập (trong trường hợp đáp ứng yêu cầu tại điểm c, khoản 1, Điều này) tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh;

b) Các trường hợp cán bộ hướng dẫn đáp ứng các tiêu chuẩn ở các điểm a và điểm b, khoản 1, Điều này và đã hướng dẫn đủ số nghiên cứu sinh như quy định tại điểm a nêu trên, **nhưng có năng lực nghiên cứu xuất sắc (là tác giả chính của tối thiểu 03 công bố khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus/năm, liên tục trong 3 năm gần nhất) hoặc có đề tài lớn đủ cấp học bổng hỗ trợ cho nghiên cứu sinh, đơn vị đào tạo có thể đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét cho phép điều chỉnh tăng số lượng nghiên cứu sinh được phép hướng dẫn;**

c) Cán bộ hướng dẫn luận án có quyền từ chối hướng dẫn nghiên cứu sinh và thông báo bằng văn bản cho đơn vị đào tạo trong các trường hợp:

- Đã hướng dẫn đủ số lượng tối đa theo quy định tại điểm a nêu trên;
- Sau 03 tháng kể từ ngày nhận quyết định cử cán bộ hướng dẫn mà nghiên cứu sinh không liên hệ hoặc nghiên cứu sinh không tuân thủ sự hướng dẫn hoặc không hoàn thành kế hoạch nghiên cứu mà không có lý do chính đáng.

1.3. Danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn độc lập/chính) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh (Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gọi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể **căn cứ các Tiêu chí và quyền hạn của người hướng dẫn tại mục 1.1 và 1.2** ở trên để mời cán bộ khoa học làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ/đồng hướng dẫn) cho mình)

1.3.1. Ngành Ngôn ngữ Anh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Phân tích diễn ngôn Phân tích diễn ngôn phê phán	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
2	Giao tiếp giao văn hóa	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng PGS. TS. Nguyễn Văn Trào	1 - 3
3	Ngữ pháp chức năng	GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Trần Văn Phước	1 - 3
4	Nghiên cứu dịch thuật	PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Lâm Quang Đông GS. TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
5	Ngữ nghĩa học	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Võ Đại Quang GS. TS. Hoàng Văn Vân	1 - 3
6	Văn học Ngôn ngữ văn học	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Phan Văn Quế	1 - 3
7	Ngôn ngữ học tri nhận	PGS. TS. Lâm Quang Đông PGS. TS. Nguyễn Văn Trào	1 - 3

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
		PGS. TS. Ngô Xuân Phương PGS. TS. Nguyễn Hữu Độ PGS. TS. Trần Văn Phước	
8	Tiếng Anh toàn cầu	GS. TS. Nguyễn Hòa GS. TS. Hoàng Văn Vân GS. TS. Nguyễn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng	1 - 3
9	Dụng học Dụng học giao văn hóa	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Ngô Hữu Hoàng PGS. TS. Kiều Thị Thu Hương	1 - 3
10	So sánh đối chiếu các ngôn ngữ	GS. TS. Nguyễn Văn Quang PGS. TS. Võ Đại Quang PGS. TS. Nguyễn Văn Độ	1 - 3

1.3.2. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Những vấn đề liên quan đến người học: - Phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực riêng biệt của người học trong môi trường xã hội đa dạng, nhằm đạt được mục đích cá nhân và giao tiếp trong môi trường đa văn hóa - Việc hình thành căn tính của người học trong quá trình học ngoại ngữ - Các yếu tố tâm lý của người học ảnh hưởng tới quá trình học tiếng Anh - Các vấn đề liên quan tới trí tuệ cảm xúc của người học - Động lực học tiếng Anh và sự sẵn sàng giao tiếp - Các chiến lược học và năng lực tự quyết của người học - Tác động của khát vọng học tiếng Anh tới kết quả học tập - Các đường hướng dạy học liên quan tới tính riêng biệt của người học: dạy học phân hoá, cá thể hoá trong dạy học, tính tự chủ của người học v.v - Giảng dạy tiếng Anh cho người có nhu cầu đặc biệt	PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
2	Những vấn đề liên quan đến phát triển nghiệp vụ của giáo viên: - Vai trò của việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên trong việc hình thành bản ngã dạy học - Những phương pháp phát triển năng lực nghiệp vụ của giáo viên - Vai trò của cộng đồng học tập đối với việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh / năng lực chuyên môn của giáo viên - Vai trò của giảng dạy phản tư (chiêm nghiệm) đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên - Việc kiến tạo, tái kiến tạo nhân diện của giáo viên	GS. TS. Nguyễn Hòa PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Văn Trào PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
	- Tác động của việc tham gia nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm đối với việc phát triển năng lực chuyên môn của giáo viên		
3	Những vấn đề liên quan đến chính sách giáo dục: - Tác động của chính sách giáo dục và việc thực thi chính sách đó đối với phương pháp dạy học trên lớp của giáo viên - Những thách thức trong việc thực thi chủ trương dạy học theo chuẩn năng lực - Tác động của chính sách sử dụng tiếng Anh để dạy các môn khoa học đối với kết quả học tập của học sinh - Chính sách giáo dục song ngữ/ giảng dạy tiếng Anh tích hợp với nội dung chuyên ngành - Nghiên cứu về chủ trương từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học - Phát triển bền vững trong dạy học tiếng Anh	GS. TS. Nguyễn Hòa GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Văn Trào PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
4	Những vấn đề liên quan đến sử dụng công nghệ trong dạy học: - Chính sách của quốc gia về chuyển đổi số và ứng dụng trong dạy học tiếng Anh - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học tiếng Anh: Chatbot AI và trợ lý giảng dạy thông minh; Công cụ đánh giá bài viết tự động (Automated Essay Scoring); Cá nhân hóa học tập bằng AI; chính sách sử dụng AI v.v - Học tập kết hợp và giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến: Học trực tuyến; Hiệu quả của MOOCs đối với người học tiếng Anh; Học tập di động (Mobile-Assisted Language Learning - MALL) v.v - Những chiến lược học sinh và giáo viên dùng để sử dụng công nghệ nhằm tiếp cận với ngôn ngữ tự nhiên - Những chiến lược giáo viên sử dụng công nghệ để phát triển nghiệp vụ và hiệu quả của những chiến lược đó - Sử dụng công nghệ để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho học sinh - Vai trò của công nghệ (ví dụ Google docs, blogging, v.v.) trong việc khuyến khích việc tự đánh giá đồng đẳng trong học sinh - Tác động của việc kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học có sử dụng công nghệ đối với việc hình thành năng lực học độc lập	GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Phạm Ngọc Thạch PGS. TS. Nguyễn Văn Long PGS. TS. Nguyễn Tất Thắng	1 - 3
5	Những vấn đề liên quan đến dạy học liên văn hóa: - Tín niệm và thực tế giảng dạy của giáo viên về đường hướng dạy ngoại ngữ liên văn hóa - Vai trò của văn hóa quần chúng trong việc thúc đẩy học ngoại ngữ	GS. TS. Nguyễn Văn Quang GS. TS. Hoàng Văn Vân PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến	1 - 3

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
	- Phát triển các kỹ năng của thế kỷ 21 cho người học qua giáo dục ngoại ngữ - Nhân diện và quá trình hoà nhập ngôn ngữ - Chuyển mã, linh hoạt ngôn ngữ và sự thương lượng bản sắc trong lớp học tiếng Anh	PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương PGS. TS. Nguyễn Văn Trào	
6	Những vấn đề liên quan đến thực hành giảng dạy trên lớp của giáo viên: - Kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh - Tín niệm về đánh giá và thực tế thực hiện về việc đánh giá kết quả học tập của học sinh trong giờ học - Lồng ghép mục tiêu giáo dục công dân toàn cầu vào giờ học tiếng Anh - Thực hiện phương pháp sư phạm phản biện xã hội trong lớp học ngoại ngữ - Những cải tiến về phương pháp giáo viên sử dụng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ/ từ vựng/ngữ pháp cho học sinh - Phương pháp nhận xét phản hồi của giáo viên đối với kết quả học tập của học sinh	PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Võ Đại Quang PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3
7	Những vấn đề liên quan đến tư liệu giảng dạy/ sách giáo khoa: - Đánh giá sách giáo khoa/ học liệu theo lý thuyết phương pháp sư phạm phản biện xã hội - Đánh giá sách giáo khoa/ học liệu theo lý thuyết liên văn hóa - Tín niệm của giáo viên về vai trò của sách giáo khoa/ học liệu và thực tế sử dụng sách giáo khoa/ học liệu trong lớp học	PGS. TS. Lê Văn Canh PGS. TS. Lê Hùng Tiến PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	1 - 3

1.3.3. Ngành Ngôn ngữ Nga

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Thành ngữ: - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến các phần riêng biệt của cơ thể người từ góc độ của người nói tiếng Việt. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến việc cảm nhận hiện thực khách quan của người Nga. - Đặc điểm ngữ nghĩa-từ vựng của thành ngữ Nga liên quan đến hoạt động của con người dưới góc độ đối chiếu với tiếng Việt.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Vũ Thị Chín	1 – 3
2	Từ vựng học: - Đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa của các nhóm từ vựng ngữ nghĩa trong các lĩnh vực khác nhau như: A. Thương mại B. Hợp đồng C. Quân sự D. Lễ hội, tập tục, truyền thống	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Trần Quang Bình	1 – 3

	E. Biểu hiện tên gọi địa lí, tên người Nga, màu sắc, các hiện tượng thiên nhiên		
3	Các quan hệ ngữ nghĩa: - Quan hệ không gian trong tiếng Nga - Quan hệ tính ngữ trong tiếng Nga - Quan hệ đối lập trong tiếng Nga - Quan hệ nhượng bộ trong tiếng Nga	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh	1 – 3
4	Cú pháp: - Đặc điểm cấu trúc ngữ nghĩa và đối chiếu các loại câu khác nhau của 2 ngôn ngữ Nga Việt, ví dụ như câu vô nhân xưng, câu nhân xưng khái quát, câu cầu khiến. - Liên từ và chữ liên từ dùng trong các cấu trúc câu khác nhau với các sắc thái ngữ nghĩa khác nhau.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh	1 – 3

1.3.4. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Nga

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu việc xây dựng (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy - học một (hoặc hơn một) kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) phù hợp điều kiện của cơ sở đào tạo dựa trên một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS.TS. Vũ Ngọc Vinh	1 – 3
2	Xây dựng giáo trình cho một khóa học kèm theo phương pháp, thủ pháp dạy - học cho một đối tượng người học cụ thể.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Phạm Kim Ninh	1 – 3
3	Xây dựng tài liệu bổ trợ cho một kỹ năng tiếng Nga (Nói, Nghe, Đọc, Viết, Dịch) theo một giáo trình, sách giáo khoa cụ thể đang lưu hành.	PGS. TS. Lưu Bá Minh GS. TS. Đỗ Đình Tổng	1 – 3
4	Xây dựng mới (hoặc cải tiến) phương pháp, thủ pháp dạy-học một (hoặc hơn một) bình diện kiến thức (Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp, Đất nước học) tiếng Nga cho một giai đoạn dạy-học cụ thể với đối tượng người Việt Nam.	PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh GS. TS. Đỗ Đình Tổng	1 – 3
5	Khảo sát, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đề xuất áp dụng hệ phương pháp, thủ pháp mới để cải tiến, nâng cao hiệu quả của một khóa học tiếng Nga.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Lưu Bá Minh	1 – 3
6	Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích những quan điểm dạy học ngoại ngữ phổ quát và hiện đại để đề xuất mới cơ sở lý luận cho một phương pháp dạy học tiếng Nga phù hợp điều kiện của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập sâu.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Văn Tư PGS. TS. Trần Quang Bình	1 – 3
7	Các yếu tố đất nước học, văn hóa, xã hội, nghệ thuật và vai trò hình thành năng lực tiếng cho người Việt trong quá trình dạy học tiếng Nga.	PGS. TS. Nguyễn Quý Mão PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 – 3

8	Sử dụng phương tiện kỹ thuật, các phương tiện dạy học khác nhau để hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Nga.	PGS. TS. Vũ Thị Chín PGS. TS. Nguyễn Hữu Chinh PGS. TS. Nguyễn Xuân Hòa	1 – 3
9	Nghiên cứu các hình thức và cách tiến hành các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài chương trình khóa học để hình thành năng lực giao tiếp bằng tiếng Nga.	PGS. TS. Lưu Bá Minh PGS. TS. Vũ Ngọc Vinh PGS. TS. Nguyễn Văn Tư PGS. TS. Phạm Kim Ninh	1 – 3

1.3.5. Ngành Ngôn ngữ Pháp

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Lĩnh vực ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa: Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng ngôn ngữ như phát âm, ngữ điệu, các loại từ, các hiện tượng ngữ pháp, các hiện tượng ngữ nghĩa	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Vũ Xuân Đoàn PGS. TS. Đường Công Minh PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	1 – 3
2	Lĩnh vực ngữ dụng: Nghiên cứu so sánh đối, chiếu các hành động ngôn ngữ, các kịch bản giao tiếp, các mối quan hệ liên nhân, các phương thức lịch sự...	PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung	1 – 3
3	Giao tiếp liên văn hóa: Nghiên cứu so sánh, đối chiếu các hiện tượng văn hóa, các biến thể văn hóa, các phương pháp phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Nguyễn Thị Bình PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Trịnh Văn Minh	1 – 3
4	Dịch thuật: Nghiên cứu các loại hình dịch thuật, so sánh các văn bản dịch với bản gốc, các thủ thuật ngôn ngữ trong dịch thuật	PGS. TS. Đinh Hồng Vân PGS. TS. Trịnh Đức Thái PGS. TS. Trần Đình Bình GS. TS. Vũ Văn Đại	1 - 3
5	Văn học, văn hóa: Nghiên cứu các phương thức, thủ thuật ngôn ngữ trong quá trình xây dựng văn bản văn học, xây dựng nhân vật	PGS. TS. Nguyễn Văn Dung PGS. TS. Nguyễn Thị Bình GS. TS. Vũ Văn Đại	1 – 3

1.3.6. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Nghiên cứu cơ bản các khái niệm và lĩnh vực có liên quan đến việc dạy - học tiếng Pháp	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Trịnh Văn Minh	1 – 3

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
2	Những thành tố của Quan điểm hành động trong Giáo học pháp ngoại ngữ hiện nay	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Nguyễn Ngọc Lưu Ly	1 – 3
3	Lý thuyết thụ đắc Ngôn ngữ và Phương pháp dạy và học tiếng Pháp cho đối tượng đặc thù (trẻ em, người lớn tuổi...)	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh	1 – 3
4	Đa ngữ (plurilinguisme) và vấn đề dạy – học ngoại ngữ thứ 2	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh	1 – 3
6	Lý thuyết các ngành khoa học liên ngành và việc dạy – học các hành động ngôn từ	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh	1 – 3
7	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ dưới ánh sáng của các lý thuyết mới	PGS. TS. Nguyễn Lâm Trung PGS. TS. Nguyễn Quang Thuần PGS. TS. Trần Đình Bình PGS. TS. Trịnh Văn Minh PGS. TS. Đường Công Minh	1 – 3

1.3.7. Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên có thể hướng dẫn	Số NCS có thể nhận
1	Nghiên cứu từ ngữ mới trong tiếng Hán với bối cảnh văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
2	Nghiên cứu cách sử dụng kính ngữ trong các văn bản giao dịch kinh tế, ngoại giao...	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh	1 – 3
3	Nghiên cứu đối chiếu cách dùng từ ngữ giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
4	Nghiên cứu đối chiếu các nhóm hư từ đồng nghĩa giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3

5	Nghiên cứu đối chiếu cách biểu đạt phạm trù không gian, thời gian giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm GS. TS. Nguyễn Văn Khang PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
6	Nghiên cứu đối chiếu các từ ngữ văn hoá biểu đạt cùng một phạm trù giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
7	Nghiên cứu đối chiếu các thể thức giao tiếp giữa tiếng Hán và tiếng Việt	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài GS. TS. Nguyễn Văn Khang	1 – 3
8	Nghiên cứu đánh giá về các vấn đề dùng từ, chuyển đổi kết cấu trong các bản dịch song ngữ Hán - Việt	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài GS. TS. Nguyễn Văn Khang	1 – 3
9	Phân tích, đánh giá và bổ sung nội dung vào các từ điển song ngữ Hán - Việt	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh GS. TS. Nguyễn Văn Khang	1 – 3
10	Vận dụng các kết quả đối chiếu ngôn ngữ Hán Việt trong thiết kế giáo trình giảng dạy tiếng Hán cho người Việt Nam	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1- 3

1.3.8. Ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu</i>	<i>Giảng viên có thể hướng dẫn</i>	<i>Số NCS có thể nhận</i>
1	Nghiên cứu phương pháp giảng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết (với những đối tượng cụ thể)	PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
2	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy các môn Lí thuyết (Đất nước học, Văn học, Lý thuyết tiếng, tiếng Hán chuyên ngành...)	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
3	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán (với những đối tượng cụ thể)	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
4	Nghiên cứu phương pháp giảng dạy dịch gồm Hán - Việt, Việt - Hán; dạy dịch nói, dạy dịch viết từng/ các giai đoạn	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3

5	Nghiên cứu lỗi sai của học sinh (sinh viên) từng cấp và từng hình thức đào tạo về Từ vựng, Ngữ pháp, chữ Hán	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
6	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp giáo trình; thiết kế giáo trình; sử dụng giáo trình các cấp học, các giai đoạn	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
7	Nghiên cứu sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học các kỹ năng và các môn lý thuyết.	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
8	Nghiên cứu phương pháp tạo hứng thú trong học tập tiếng Hán của học sinh (sinh viên) với một hoặc một số kỹ năng và từng môn lý thuyết (Nhất là những môn xưa nay được coi là khô khan, khó gây hứng thú).	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3
9	Nghiên cứu thực trạng sử dụng tiếng Trung Quốc của học sinh, sinh viên Việt Nam (có thể chọn trong giao tiếp nói, viết, dịch...) và giải pháp đề xuất nâng cao chất lượng.	PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền PGS. TS. Phạm Ngọc Hàm PGS. TS. Nguyễn Hoàng Anh PGS. TS. Hà Lê Kim Anh PGS. TS. Chăm Tú Tài	1 – 3

1.4. Danh sách cán bộ khoa học (hướng dẫn phụ) có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh (Danh sách cán bộ khoa học dưới đây được gọi ý có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, thí sinh có thể căn cứ các **Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại mục 1.1. và 1.2. ở trên** để mời cán bộ khoa học khác làm cán bộ hướng dẫn (độc lập/chính/phụ/đồng hướng dẫn) cho mình)

a. Tiếng Anh

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Anh
1	Đỗ Tuấn Minh	7	Đỗ Tuấn Long
2	Lâm Thị Hoà Bình	8	Nguyễn Thị Minh Tâm
3	Hoàng Thị Hạnh	9	Phùng Hà Thanh
4	Phạm Thị Hạnh	10	Lại Thị Phương Thảo
5	Đỗ Minh Hoàng	11	Huỳnh Anh Tuấn
6	Hoàng Trà My		

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Anh
1	Trần Thị Lan Anh	16	Mai Ngọc Khôi
2	Phạm Lan Anh	17	Nguyễn Huy Kỳ
3	Nguyễn Thị Chi	18	Mai Thị Loan
4	Nguyễn Chí Đức	19	Nguyễn Văn Long

5	Lê Thị Hồng Duyên	20	Dương Thu Mai
6	Vũ Hải Hà	21	Vũ Thị Thanh Nhã
7	Nguyễn Thu Lệ Hằng	22	Trần Thanh Nhân
8	Nguyễn Thu Hiền	23	Trần Thị Thanh Phúc
9	Trần Thị Thu Hiền	24	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
10	Hoàng Thị Xuân Hoa	25	Đặng Ngọc Sinh
11	Tạ Thị Thanh Hoa	26	Nguyễn Thị Thom Thom
12	Lê Hương Hoa	27	Nguyễn Thị Bích Thủy
13	Cao Thuý Hồng	28	Nguyễn Thị Minh Trâm
14	Nguyễn Việt Hùng	29	Nguyễn Thị Quỳnh Yên
15	Nguyễn Thị Hương		

b. Tiếng Nga

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Nga	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Nga
1	Phạm Dương Hồng Ngọc	1	Đinh Thị Thu Huyền
2	Khuông Thị Thu Trang	2	Nguyễn Thị Thanh Hà
3	Nguyễn Mạnh Hải	3	Nguyễn Thị Thương
4	Hoàng Thị Hằng	4	Trịnh Thị Phan Anh
5	Ngô Thị Minh Thu	5	

c. Tiếng Pháp

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Pháp
1	Lưu Thị Kim Anh	1	Đỗ Lan Anh
2	Lê Thị Phương Lan	2	Nguyễn Thanh Hoa
3	Hoàng Thị Bích	3	Bùi Thị Ngọc Lan
4	Nguyễn Hồng Hải	4	Đàm Minh Thủy
5	Đặng Thùy Dương	5	Đỗ Thanh Thủy
6	Đặng Kim Hoa		
7	Trần Phùng Kim		
8	Lê Thị Phương Lan		
9	Nguyễn Việt Quang		
10	Đặng Thị Thanh Thủy		
11	Đỗ Thị Bích Thủy		
12	Bùi Thị Thu Hương		

d. Tiếng Trung Quốc

TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành LL&PP dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	TT	Họ và tên cán bộ khoa học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
1	Nguyễn Thị Lê Dung	1	Nguyễn Ngọc Anh

2	Trần Linh Hương Giang	2	Trần Thị Hoàng Anh
3	Trịnh Thanh Hà	3	Nguyễn Thị Hương Giang
4	Võ Thị Minh Hà	4	Nguyễn Thị Thu Hà
5	Nguyễn Thu Hằng	5	Đinh Văn Hậu
6	Nguyễn Thị Hảo	6	Đỗ Thị Thanh Huyền
7	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	7	Nguyễn Thị Minh
8	Đinh Thu Hoài	8	Nguyễn Thị Bảo Ngân
9	Phạm Thuý Hồng	9	Bùi Thị Thuý Phương
10	Nguyễn Quang Hưng	10	Nguyễn Thị Lệ Quyên
11	Phạm Thị Thu Hường	11	Nguyễn Anh Thục
12	Trần Thị Bích Hường	12	Phạm Minh Tiến
13	Lê Xuân Khai	13	Lê Thị Huyền Trang
14	Đỗ Thu Lan	14	Phạm Đức Trung
15	Trần Thị Kim Loan	15	Nguyễn Đại Cồ Việt
16	Nguyễn Thị Luyện	16	Vũ Thanh Xuân
17	Phạm Văn Minh		
18	Bùi Thị Hằng Nga		
19	Cao Như Nguyệt		
20	Ngô Minh Nguyệt		
21	Nguyễn Thị Phượng		
22	Hoa Ngọc Sơn		
23	Hoàng Thị Băng Tâm		
24	Đinh Thị Hồng Thu		

**Phụ lục 2. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp
trong tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025**
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNN ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

TT	ngành xét tuyển	Ngành đúng	Ngành phù hợp
1.	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Sư phạm tiếng Anh, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh
2.	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh
3.	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp	Sư phạm tiếng Pháp, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp
4.	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	Sư phạm tiếng Pháp, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Pháp	Ngôn ngữ Pháp
5.	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc
6.	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc, Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Tiếng Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc

Ghi chú: Những thí sinh đã tham gia đào tạo tại các trường nước ngoài hoặc chương trình đào tạo liên kết quốc tế bậc đại học và thạc sĩ sẽ được xem xét điều kiện hồ sơ dự tuyển tiến sĩ (ngành đúng/ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức/ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức) trước khi được xét duyệt hồ sơ tuyển sinh.

**Phụ lục 3. Các tiêu chí đánh giá hồ sơ chuyên môn
trong tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2025**
(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHNN ngày 28 tháng 7 năm 2025
của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Kết quả học tập ở bậc thạc sĩ hoặc cử nhân	15
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 9.0/10 hoặc 3.6/4.0 trở lên, có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	15
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 7.0/10 hoặc 2.5/4.0 trở lên, có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	10
	- Có điểm trung bình chung các môn học từ 5.0/10 hoặc 2.0/4.0 trở lên có tính đến uy tín chất lượng của đơn vị đã đào tạo.	5
2	Thành tích nghiên cứu khoa học đã có	15
		15
	Việc đánh giá và cho điểm dựa trên các giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương trở lên hoặc các bài báo khoa học đã được đăng trên Tạp chí khoa học, Tuyển tập công trình hội nghị khoa học (có phản biện) thuộc lĩnh vực chuyên ngành đăng kí đào tạo.	10
	Các giải thưởng hoặc bài báo khoa học có nhiều người tham gia thì điểm được chia đều cho từng người. Với thí sinh có nhiều giải thưởng và nhiều bài báo, điểm cho phần này bằng tổng điểm của các giải thưởng và các bài báo nhưng không vượt quá mức tối đa 15 điểm.	5
3	Ý kiến đánh giá và ủng hộ trong hai thư giới thiệu	10
	- Mức độ ủng hộ có kết hợp với tính khách quan và xác thực trong thư của người giới thiệu thứ nhất.	5
	- Mức độ ủng hộ có kết hợp với tính khách quan và xác thực trong thư của người giới thiệu thứ hai.	5
4	Trình bày của thí sinh	10
	Tiêu chí này nhằm đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về phương pháp, nội dung nghiên cứu, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.	
5	Đề cương nghiên cứu	50
	Tiêu chí này nhằm đánh giá ý nghĩa khoa học và thực tiễn cũng như tính khả thi của đề tài nghiên cứu thông qua nội dung, hình thức đề cương nghiên cứu. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên: giá trị khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu thông qua sự phù hợp với chuyên ngành đăng kí đào tạo, tính thời sự và sáng tạo, sự rõ ràng của mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, triển vọng ứng dụng kết quả nghiên cứu; mức độ khả thi của đề tài nghiên cứu thông qua năng lực, kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh đối với đề tài nghiên cứu, dự kiến kế hoạch thực hiện đề tài nghiên cứu hợp lí.	
6	Tổng số điểm của hồ sơ dự tuyển	100